

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHĂN NUÔI
VÀ THÚ Y THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI					
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ, tổ chức đánh giá thực tế: Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế đối với trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện; trường hợp không cấp thì phải có	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Một phần	Không	- Luật Chăn nuôi; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

		văn bản thông báo và nêu rõ lý do.			
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định nội dung hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Toàn Trình	Không	- Luật Chăn nuôi; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trang trại quy mô lớn	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Một phần	- Thẩm định đề cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm

		- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.		trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.	2020 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trang trại quy mô lớn	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Một phần	- Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của

		chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.			Bộ trưởng Bộ Tài chính.
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	a) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đạt yêu cầu. + Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Một phần	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

		+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đạt yêu cầu. + Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế. b) Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10			
--	--	---	--	--	--

		ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đạt yêu cầu. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đạt yêu cầu.			
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Một phần	- Thẩm định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 250.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm

	nước nhập khẩu)	+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.			2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
7	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp giấy	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Toàn Trình	350.000 đồng/01 sản phẩm/mục đích/lần.	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của

		phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			Bộ trưởng Bộ Tài chính.
8	Kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu Ghi chú: <i>Cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện đến hết ngày 31/12/2026. Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện từ ngày 01/01/2027. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin MCQG trước ngày 31/12/2026 thì UBND cấp tỉnh thực hiện giải quyết TTHC kể từ ngày kết nối</i>	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Toàn trình	Không	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
9	Giảm kiểm tra chất	Thực hiện theo quy định của	Trung tâm	Không	- Luật Chăn nuôi.

	lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu Ghi chú: Cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện đến hết ngày 31/12/2026. Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện từ ngày 01/01/2027. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin MCQG trước ngày 31/12/2026 thì UBND cấp tỉnh thực hiện giải quyết TTHC kể từ ngày kết nối	pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Toàn trình		- Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
10	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước Ghi chú: Cục Chăn nuôi và Thú	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và công bố thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường	Không	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

	y thực hiện đến hết ngày 31/12/2026. Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện từ ngày 01/01/2027. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin MCQG trước ngày 31/12/2026 thì UBND cấp tỉnh thực hiện giải quyết TTHC kể từ ngày kết nối	Môi trường: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Mức độ: Toàn trình		- Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.
11	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu Ghi chú: Cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện đến hết ngày 31/12/2026. Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện từ	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và công bố thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Trong thời hạn 15	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Toàn trình	Không	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

	ngày 01/01/2027. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin MCQG trước ngày 31/12/2026 thì UBND cấp tỉnh thực hiện giải quyết TTHC kể từ ngày kết nối	ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
12	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung Ghi chú: Cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện đến hết ngày 31/12/2026. Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện từ ngày 01/01/2027. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và công bố lại thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Toàn trình	Không	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

	thông tin MCQG trước ngày 31/12/2026 thì UBND cấp tỉnh thực hiện giải quyết TTHC kể từ ngày kết nối				
13	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung Ghi chú: Cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện đến hết ngày 31/12/2026. Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện từ ngày 01/01/2027. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin MCQG trước ngày 31/12/2026 thì UBND cấp tỉnh thực hiện giải quyết	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và công bố thay đổi thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Toàn trình	Không	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

	<i>TTHC kể từ ngày kết nối</i>				
II. LĨNH VỰC THÚ Y					
14	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Một phần	+ 50.000 đồng/lần (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính) + 25.000 đồng/lần (áp dụng từ kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính)	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ.; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
15	Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	+ 50.000 đồng/CCHN (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội. - Luật số 146/2025/QH15

			thành phố, xã, phường Mức độ: Một phần	BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) + 25.000 đồng/CCHN (áp dụng từ kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
16	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Một phần	+ 50.000 đồng/CCHN (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) + 25.000 đồng/CCHN (áp dụng từ kể từ ngày 01 tháng 7 năm	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày

				2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	15/5/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
17	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Một phần	Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: - Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên:	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm

				1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
18	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Một phần	Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: - Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân	- Luật Thú y ; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm

				xuống): 700.000 đồng/lần.	2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
19	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Toàn trình	Không	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.
20	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành	Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung

	xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)		chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Một phần	thủy sản: - Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
21	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính	Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản:	- Luật Thú y ; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của

	thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)		công thành phố, xã, phường Mức độ: Một phần	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	- Luật Thú y . - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của

	thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)		công thành phố, xã, phường Mức độ: Một phần		15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.
23	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường	Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần.	- Luật Thú y ; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ;

			Mức độ: Một phần		- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
24	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Một phần	Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần.	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

					- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
25	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Toàn trình	Không	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ.

					- Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.
26	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Một phần	Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000/lần.	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm

					2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
27	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Một phần	Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000/lần	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ

					trưởng Bộ Tài chính.
28	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường Mức độ: Một phần	Không	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.